

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02 – 8 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Nguyễn Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên
tòa:** Ông Hồ Thanh Sang – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 372/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hằng N

(có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Phạm Duy K

(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trần Hằng N trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh K chung sống với nhau vào năm 2005, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không lo làm ăn, ghen tuông nên đánh đập chị, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi hơn một năm nay. Do thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung, có 04 con chung tên là Phạm Thái A, sinh năm 2006, Phạm Thái B, sinh năm 2008, Phạm Bảo P, sinh năm 2012 và Phạm Thái M, sinh năm 2013, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi cháu M, còn anh K đang trực tiếp nuôi 03 cháu lớn còn lại. Khi ly hôn, chị đồng ý tiếp tục giao 03 người con lớn cho anh K

trực tiếp nuôi, chị tiếp tục nuôi cháu M, không đề cập việc cấp dưỡng nuôi con với người còn lại.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có.

Tại biên bản ghi ý kiến của anh Phạm Duy K ngày 20/6/2018 trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, anh và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C nhưng không nhớ năm nào. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng đã ly thân nhau hơn một năm nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì anh thương các con còn nhỏ và còn thương vợ nên muốn hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung, có 04 con chung tên là Phạm Thái A, năm nay 13 tuổi, Phạm Thái B 11 tuổi, Phạm Bảo P 07 tuổi và Phạm Thái M 05 tuổi, anh không nhớ rõ năm sinh của các con. Anh có yêu cầu nuôi cháu Thái A, Thái B và Bảo N vì hiện nay 03 cháu đang sống với anh, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Cháu M hiện nay đang sống với chị N nên anh đồng ý giao chị N nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định không có.

Do bận công việc nên anh K xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xác định thực tế trong quá trình chung sống, giữa anh K và chị N đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, căn cứ vào điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chấp nhận cho chị N ly hôn với anh K. Giao 03 con là Thái A, Thái B và Bảo P cho anh K tiếp tục nuôi, giao 01 con là Thái M cho chị N tiếp tục nuôi, chị N và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có. Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Duy K có yêu cầu vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại các Điều 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, chị N và anh K chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp (Bút lục số 02). Chị N cương quyết xin ly hôn, anh K có ý kiến không đồng ý. Xét thấy, thực tế giữa chị N và anh K đã có mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi đã hơn một năm nay, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N ly hôn với anh K.

[4] Về con chung, có 04 con chung tên Phạm Thái A, sinh năm 2006, Phạm Thái B, sinh năm 2008, Phạm Bảo P, sinh năm 2012 và Phạm Thái M, sinh năm 2013,, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi cháu Thái M, còn anh K đang trực tiếp nuôi cháu Thái A, Thái B và Bảo P. Anh chị đều thống nhất, khi ly hôn, chị N tiếp tục giao 03 con tên là Thái A, Thái B và Bảo P cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K tiếp tục giao con tên là Thái M cho chị N trực tiếp nuôi, không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của chị N và anh K, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, anh chị xác định không có nên không đề cập xem xét.

[6] Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Hằng N ly hôn với anh Phạm Duy K.

2/ Về con chung:

Buộc chị Trần Hằng N tiếp tục giao 03 con chung tên là Phạm Thái A, sinh năm 2006, Phạm Thái B, sinh năm 2008, Phạm Bảo P, sinh năm 2012, hiện nay 03 con đang sống chung với anh K, cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Phạm Duy K tiếp tục giao 01 con chung tên là và Phạm Thái M, sinh năm 2013,, hiện nay cháu M đang sống chung với chị N, cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của chị N và anh K. Chị N và anh K vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị N phải chịu. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000676 vào ngày 20/4/2018, được đối trừ, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp C;
- UBND xã T, Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

